

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST

Ngày: 05 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giàng A Đình;

2. Ông Nguyễn Anh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Hờ, thư ký tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Lò Văn Đ Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1994 tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Q - Sinh năm 1970 và bà: Quàng Thị Đ - Sinh năm 1973; Có vợ là Quàng Thị C - Sinh năm 1995; và 03 con; Tiền án, Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2022. Có mặt

- Đại diện bị hại: ông Dương Ngọc Á, sinh năm 1968; Địa chỉ: 110 L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Cà Văn N, sinh năm 1981, địa chỉ: bản Po, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Phạm Văn Đ, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn 4, xã Đồng Yên, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3. Lò Văn Q, sinh năm 1970, địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Hoàng Đình H, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Quàng Văn B, sinh năm 1989, địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

6. Lò Văn N, sinh năm 1989, địa chỉ: bản Lè, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

7. Lò Văn L, sinh năm 1991, địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

8. Lò Văn L, sinh năm 1982, địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

9. Quàng Văn M, sinh năm 2001, địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc L - trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/7/2021, tại công trường xây dựng Cụm thủy điện C thuộc xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái do Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Q thi công đã xảy ra mưa lũ làm trôi 01 chiếc học đựng bê tông bằng kim loại thể tích 2m³. Anh Quàng Văn S (không rõ năm sinh) trú tại bản Lè, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La là công nhân của công ty Q đi tìm và phát hiện chiếc học ở dưới lòng suối thuộc bản C, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái (Khu vực lòng suối này nằm trong diện tích đất công ty được cấp phép sử dụng). Cùng lúc này, Lò Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La cũng phát hiện chiếc học trên. Anh S có nói với Đ chiếc học này là của công ty Q bị trôi xuống, công ty sẽ đến để trục vớt; Anh Cà Văn N, sinh năm 1981, trú tại bản P, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La là nhân viên công ty Q cũng đã gọi điện thoại thông báo cho Lò Văn Đ biết chiếc học của công ty bị trôi xuống và sẽ tiến hành trục vớt.

Khoảng vài ngày sau, Đ vẫn thấy chiếc học tại lòng suối nên đã gọi điện hỏi thì anh N cho số điện thoại và bảo Đ liên hệ với anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1973 trú tại thôn 4, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam là thủ kho vật tư của Công ty Q nhưng khi Đ gọi thì anh Đ không nghe máy. Ngày 02/8/2021, Công ty Q đưa máy xúc đến khu vực lòng suối để trục vớt chiếc học nhưng ông Lò Văn Q, sinh năm 1970, trú tại Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La (bố đẻ của Lò Văn Đ) không cho đưa máy đi qua ruộng của gia

đình với lý do máy xúc sẽ làm hỏng ruộng.

Ngày 04/8/2021, Điện đã đi thuê đồ hàn, cắt oxy của một người đàn ông không quen biết tại thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La và gọi điện thoại cho Lò Văn L, sinh năm 1991, Quàng Văn M, sinh năm 2001 và Lò Văn L, sinh năm 1982 đều trú tại Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La cùng đi cắt chiếc học mang đi bán và sẽ chia nhau số tiền bán được, M, L, L đều đồng ý. Chiều cùng ngày, Đ cùng M, L và L cắt được 02 (hai) miếng kim loại từ chiếc học rồi dùng xe mô tô chở về để tại quán của gia đình Điện. Đến ngày 05/8/2021, Điện cùng Minh, Lánh, Lăm tiếp tục đi cắt phần còn lại của chiếc học thành 07 (bảy) miếng có kích thước khác nhau sau đó Đ dùng xe mô tô chở 04 (bốn) miếng nhỏ và gọi điện thuê Quàng Văn B, sinh năm 1989, trú tại Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La dùng xe ô tô chở 03 (ba) miếng còn lại về quán nhà Đ. Đến sáng ngày 06/8/2021, Điện thuê xe ô tô của Lò Văn N, sinh năm 1989, trú tại bản Lè, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La vận chuyển 09 (chín) miếng kim loại này đi bán thì bị Công ty Q phát hiện và trình báo Công an xã C. Sau khi nhận được trình báo của công ty Q, Công an xã C đã phối hợp với Công an xã H tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ 09 miếng kim loại. Xét thấy vụ việc không thuộc thẩm quyền, ngày 17/8/2021 Công an xã C đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M giải quyết theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL - ĐG, ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự trên địa bàn huyện M, tỉnh Yên Bái kết luận chiếc học bằng kim loại đựng bê tông có giá trị còn lại là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Bản cáo trạng số 16/ CT - VKS - MCC ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo về tội " trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b,i,s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điều 38,65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ một năm sáu tháng tù đến hai năm tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Hành vi phạm tội của bị cáo là rõ ràng, bị cáo bị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra ở xã khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. đề nghị Hội đồng

xét xử xử phạt bị cáo từ một năm đến một năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo. Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Người bào chữa, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại vắng mặt và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi mình đã thực hiện, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, tất cả thể hiện, ngày 04 và 05/8/2021, tại bản C, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái, Lò Văn Đ đã lén lút chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn Q trụ sở tại tổ 4, thị trấn M, huyện M 01 chiếc hộc đựng bê tông bằng kim loại có giá trị còn lại là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi tội phạm. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[3] Xét nhân thân Lò Văn Đ, là người không có tiền án, tiền sự nên xác định là người có nhân thân tốt, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã vận động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bên cạnh đó người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã được phân tích ở trên. Thấy rằng bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có nhân

thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà Nước ta. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH Q đã nhận được số tiền 20.000.000đ do gia đình bị cáo bồi thường và không yêu cầu, đề nghị gì khác.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Máy hàn, bình oxy dùng để cắt chiếc hộc do Lò Văn Đ thuê của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể tại thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La; sau khi thực hiện tội phạm, Đ đã trả chiếc máy hàn và bình oxy nên không xác minh, thu giữ được.

- 01 (một) chiếc xe mô tô Lò Văn Đ sử dụng để vận chuyển các miếng kim loại về nhà: quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Lò Văn Đ đã bị mất giấy tờ, Điện không nhớ biển kiểm soát, quá trình sử dụng chiếc xe bị hỏng nên bị cáo đã bán chiếc xe cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Do đó, không xác minh, thu giữ được.

- 09 (chín) miếng kim loại, một mặt màu vàng, một mặt màu đen xám. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Q nên Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trao trả lại cho Công ty Q.

[7] Đối với Quàng Văn M, Lò Văn L, Lò Văn L, Quàng Văn B, Lò Văn N là những người được Đ thuê cùng tham gia cắt và vận chuyển chiếc hộc nhưng những người này không biết chiếc hộc thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Q, nên không đề cập xử lý.

- Ông Lò Văn Q biết việc Đ mang 09 mảnh kim loại về để tại nhà nhưng ông Q không biết đây là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

- Đối với người cho thuê máy hàn, cắt oxy Lò Văn Đ khai nhận không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở đề điều tra, xác minh.

[8] Về án phí Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

[9] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các Điểm b,i,s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn Đ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho

UBND xã H, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn Đ.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKS huyện M;
- Công an huyện M;
- THA huyện M;
- UBND xã H,
huyện M, tỉnh Sơn La
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Hồ sơ THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(ĐK)

Nguyễn Mạnh Hùng